

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN -TỈNH BÌNH ĐỊNH

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
 - *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Bà Cao Thị Chính
 - *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hạnh
- Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định*
- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1192/2017/TLST - HNGĐ, ngày 6 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX-ST ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm: 1970 (có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà 86/4 đường L, TP.Quy Nhơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2017 và các lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết L trình bày: chị và anh T kết hôn năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 86/4 đường L, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Năm 2000 giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn anh T đã

bỏ nhà đi không liên lạc gì với chị và gia đình. Từ đó cho đến nay chị và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi và đã đăng tin tìm kiếm trên báo, đài nhưng không có tin tức gì về việc anh T còn sống hay đã chết. Vì vậy, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích. Theo Quyết định số 87/2017/QĐDS-ST ngày 28/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã tuyên bố anh T mất tích, từ đó cho đến nay vẫn không có tin tức gì về anh T. **Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.**

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con là Phan Trần Việt Mỹ A, sinh năm 1992 và Phan Quốc T, sinh năm 1994 hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh T không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn T: Anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 87/2017/QĐDS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn; căn cứ biên bản xác minh tại UBND phường L ngày 27/12/2017 thì đến thời điểm chị L yêu cầu ly hôn, anh T vẫn không có mặt tại địa phương.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do anh Phan Văn T bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa anh T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật

tổ tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị L kết hôn ngày 15/07/1992 tại Ủy ban nhân dân phường B, TP. Quy Nhơn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Năm 2000 anh T bỏ nhà đi không liên lạc với chị Loan và gia đình. Hiện nay anh T làm gì, ở đâu chị không biết. Căn cứ quyết định số 87/2017/QĐDS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã tuyên bố anh Phan Văn T mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử hôm nay anh Phan Văn T vẫn vắng mặt tại nơi cư trú. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Văn T của chị L có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về con chung: Đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết L được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung: đã trưởng thành nên Tòa không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005639 ngày 5/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị L đã nộp xong.

*/- Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*/- **Nơi nhận**

- VKSND TP. Quy Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Minh Hoà